TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2018
V/v tranh chấp: "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thiện Nhân
2. Bà Phạm Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị H, sinh năm: 1973 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh E.
2. Bị đơn: Trương Thị L, sinh năm: 1947 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh E.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Trương Văn T, sinh năm: 1943 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh E.
Ông T ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 28/6/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 02/7/2018, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H có cho vợ chồng bà Trương Thị L, ông Trương Văn T vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) vay 03 lần tiền cụ thể như sau: Lần 1 ngày 27/7/2014 vay 200.000.000 đồng do bà L ký tên giấy nợ; lần 2 ngày 14/9/2016 vay thêm 200.000.000 đồng do bà L ký tên giấy nợ; lần 3 ngày 28/12/2016 vay thêm 50.000.000 đồng do cháu bà L là Nguyễn Thị Mỹ Nguyên ký tên giấy nợ nhận thay bà L. Số tiền trên ông T, bà L mượn bà để mua bán cá và không có nói thời hạn trả nợ và cho đến nay ông T, bà L vẫn chưa trả nợ cho bà.

Vì vậy, bà H khởi kiện buộc bà Trương Thị L, ông Trương Văn T phải liên đới hoàn trả cho bà số tiền vay còn thiếu là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo việc thi hành án đối với số nợ trên và thực hiện biện pháp bảo đảm là gửi vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện B số tiền là 500.200.000đ (Năm trăm triệu lẻ hai trăm nghìn đồng).

* Tại biên bản hòa giải ngày 02/7/2018, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà thừa nhận còn nợ bà H số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Bà có ký vào giấy nợ ngày 27/7/2014, ngày 14/9/2016, riêng giấy nợ ngày 28/12/2016 bà kêu cháu bà ký mượn dùm và nhận tiền. Do làm ăn thua lỗ nên xin bà H giảm bớt nợ và yêu cầu được trả 200.000.000 đồng.

* Tại tờ tường thuật ngày 29/6/2018, biên bản hòa giải ngày 02/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương văn T trình bày:

Ông có cùng ý kiến với bà L thừa nhận còn nợ bà H số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ông đồng ý cùng bà L trả bà H số tiền còn nợ nhưng xin giảm bớt nợ và yêu cầu được trả 200.000.000 đồng.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định và có áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục trong thời gian tới. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 buộc bà Trương Thị L, ông Trương Văn T phải liên đới hoàn trả cho

bà Phạm Thị H số tiền đã vay là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), ghi nhận bà H tự nguyện không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Phạm Thị H yêu cầu bà Trương Thị L, ông Trương Văn T phải liên đới trả lại cho bà số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L, ông T thừa nhận có nợ bà H số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), do làm ăn thua lỗ nên bà L, ông T không có khả năng trả nợ cho đến nay vẫn chưa trả được nợ cho bà H. Lời thừa nhận của bà L, ông T phù hợp với các giấy nợ ngày 27/7/2014, ngày 14/9/2016 và ngày 28/12/2016 do bà H cung cấp. Bà L, ông T nợ tiền của bà H nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông T phải trả lại số tiền vay 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà L, ông T yêu cầu được trả dần số nợ 450.000.000 đồng và xin trả 200.000.000 đồng. Xét thấy pháp luật không quy định việc trả nợ dần nếu không có sự thỏa thuận của các bên và đây là gia đoạn của thi hành án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2] Về trách nhiệm liên đới: Bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông T cùng liên đới trả nợ. Thấy rằng, bà L, ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn, số nợ trên phát sinh trong thời gian vợ chồng ông bà còn sống chung, việc vay tiền về sử dụng chung của mục đích vợ chồng. Do đó, khi phát sinh nợ ông T cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ cho bà H là đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về biên pháp khẩn cấp tạm thời: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có đơn yêu cầu áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo việc thi hành án đối với số nợ trên và thực hiện biện pháp bảo đảm là gửi vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B số tiền 500.200.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận và bà H yêu cầu tiếp tục áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời nên tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật và Quyết định này được hủy bỏ khi Bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc vụ án này được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án :

Bà Trương Thị L, ông Trương Văn T có đơn miễn nộp án phí thuộc diện người cao tuổi nên ông , bà được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Trương Thị L, ông Trương Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/ Buộc bà Trương Thị L, ông Trương Văn T phải liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà Phạm Thị H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trương Thị L, ông Trương Văn T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện B tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi bản án này có hiệu lực pháp luật và Quyết định này được hủy bỏ khi Bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc vụ án này được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Bà Phạm Thị H được nhận lại số tiền 500.200.000đ (Năm trăm triệu lẻ hai trăm nghìn đồng) theo tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B khi Bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc vụ án này được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị L, ông Trương Văn T được miễn nộp án phí.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017978 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Phạm Thị H, bị đơn bà Trương Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh E;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện B;
-Chi cục THA dân sự huyện B;
-UBND xã T;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Hương